

7. Thu hoạch vải

Quả có thể thu hoạch khi vỏ quả chuyển sang màu vàng đỏ; gai quả chuyển sang thưa, phẳng. Quả cắt xuống được đựng trong các hộp xốp, thùng carton. Nếu đựng trong sọt tre phải được lót vật liệu sạch, mềm tránh làm giập nát quả.

IV. ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ ÁP DỤNG

Quy trình được áp dụng tại xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

12. QUI TRÌNH TRỒNG MỘT SỐ GIỐNG CHÈ NHẬP NỘI CHẤT LƯỢNG CAO

Đỗ Văn Ngọc, Đinh Thị Ngọc, Trần Đăng Việt* và cs.

I. NGUỒN GỐC

Quy trình trồng một số giống chè nhập nội chất lượng cao là kết quả từ dự án “Phát triển giống chè chất lượng cao giai đoạn 2006-2010”. Quy trình được công nhận theo Quyết định số 231/QĐ-TT-CCN, Cục trưởng Cục trưởng Cục Trồng trọt, Bộ NN&PTNT ký ngày 12 tháng 7 năm 2010.

II. NỘI DUNG QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

1. Điều kiện sinh thái

a) Khí hậu

- Nhiệt độ không khí trung bình hàng năm: 18-23°C

- Độ ẩm không khí trung bình hàng năm: >80%.

- Lượng mưa hàng năm: >1.200mm.

b) Đất đai

Đất có tầng dày canh tác từ 50cm trở lên, kết cấu tơi xốp, mạch nước ngầm ở sâu dưới mặt đất từ 100cm trở lên.



Giống chè Kim Tuyên

Độ pH KCl từ 4,0-6,0, tỷ lệ mùn tổng số từ 2% trở lên. Độ dốc bình quân đồi không quá 250.

2. Thiết kế đồi nương

- Thiết kế đồng bộ ngay từ đầu hệ thống đường, các công trình phụ trợ cây phân xanh, che bóng, chắn gió; Những nơi thuận lợi cần làm đập, hồ chứa nước chân đồi, bể chứa nước, hệ thống tưới nước, hố ủ phân trên đồi.

- Thiết kế hàng: Nơi đồi có độ dốc bình quân 60 trở xuống (cục bộ có thể lên tới 80): Thiết kế hàng chè thẳng theo hàng dài nhất, song song với đường bình độ chính, hàng cụt xếp ở bìa lô.

3. Kỹ thuật gieo trồng

3.1 Làm đất

Việc làm đất trồng chè phải đạt yêu cầu sâu, sạch, ải, vùi lớp đất mặt có nhiều hạt cỏ xuống dưới, san ủi những điểm dốc cục bộ.

- Làm đất theo cách cày sâu toàn bộ bề mặt, sâu 20 - 25cm, bừa san. Trường hợp không cày toàn bộ bề mặt cũng phải đào rãnh trồng. Đào rãnh trồng chè sâu 40 - 45cm, rộng 50 - 60cm. Lấp đất mặt xuống dưới, lấp đất cái trên cách mặt đất 5-10cm.

- Thời vụ làm đất: Làm đất vào thời gian ít mưa (dưới 150mm/tháng) tránh xói mòn. Làm đất vào tháng 9 đến tháng 11 đối với loại đất mới, nhiều mùn, khai hoang xong trồng ngay; tháng 11 đến tháng 3 đối với loại đất phục hoang, trồng một vụ cây phân xanh cải tạo đất.

3.2. Giống chè

- Trồng các giống chè đã được khảo nghiệm thích hợp vùng. Vùng thấp (độ cao dưới 100m) và vùng giữa (có độ cao 100-500m): Phù hợp phát triển giống chè xanh chất lượng cao có nguồn gốc Trung Quốc như Phúc Vân Tiên, Keo Am Tích, Kim Tuyên....

- Trồng chè bầu cây đảm bảo đúng tiêu chuẩn. Chè giám canh: Cây sinh trưởng trong vườn ươm từ 8 -12 tháng tuổi. Cây cao từ 20 cm trở lên, có 6 - 8 lá thật, đường kính sát gốc từ 4 - 5mm trở lên, vỏ phía gốc màu đỏ nâu, phía ngọn xanh thẫm; lá chẻ to, dày, xanh đậm, bóng láng; không có nụ hoa.

3.3. Thời vụ trồng

Thời vụ trồng bầu cây: Phía Bắc tháng 1-3 và tháng 8-9; phía Nam tháng 2-4 và tháng 6 - 7 khi đất đủ ẩm.

3.4. Mật độ, khoảng cách trồng

- Mật độ trồng: Các giống chè có nguồn gốc Trung quốc trồng 2,2 - 2,5 vạn cây/ha.

- Khoảng cách trồng:

Nơi đất dốc dưới 15⁰: Trồng hàng cách hàng 1,35m; cây cách cây 0,3m tương đương mật độ 2,5 vạn/ha.

Nơi đất dốc trên 15⁰: Tốt nhất trồng theo hàng kép với hàng cách hàng 1,5m (rạch chè rộng 60-70 cm), mỗi hàng trồng 2 hàng nhỏ xen kẽ nhau theo kiểu chữ chi. Trong hàng kép khoảng cách 2 hàng cây cách cây 0,6m, cây cánh cây 0,35-0,4m, hàng kép với mật độ 2,2 vạn/ha,



3.5. Trồng chè

Đặt bầu vào hố hay rạch, lấp đất, nén đất đều xung quanh bầu, lấp phủ lớp đất tơi trên vết cắt hom 1-2cm, đặt mầm cây theo một hướng xuôi chiều gió chính.

Trồng xong tủ cỏ, rác hai bên hàng chè hay hốc trồng dày 8-10cm, rộng 20-30cm mỗi bên. Loại cỏ, rác dùng để tủ là phân không có khả năng tái sinh.

3.6. Trồng cây phân xanh, che bóng

Cây phân xanh là các loại cây có khả năng cải tạo đất, làm phân bón tăng chất dinh dưỡng cho cây chè, tốt nhất là các cây họ đậu.

Thời vụ gieo: Từ tháng 1 đến tháng 4 hàng năm, ngay sau khi làm đất, trồng chè.

Cách gieo: Cây hàng năm gieo giữa hàng, mật độ tùy theo loại cây, cách góc chè ít nhất 40cm về mỗi bên. Cây phân xanh lưu niên 2 - 4 năm (các loại muồng, cốt khí) kiêng che bóng tạm được gieo theo cụm một đường giữa hai hàng chè, khoảng cách tâm cụm 30-40cm, mỗi cụm đường kính 3-5cm, đảm bảo che bóng 30 - 50% ánh sáng mặt trời.

4. Kỹ thuật chăm sóc

4.1. Giặm cây con

Giặm chè cần được tiến hành liên tục trong thời kỳ nương chè kiến thiết cơ bản (2-3 năm), đảm bảo nương chè đông đặc, đồng đều. Trồng giặm tốt nhất vào thời vụ xuân sớm (tháng 1-2), mưa nhỏ, đất vừa ẩm.

Đối với nương chè đang sản xuất kinh doanh mất khoảng tiến hành trồng giặm. Lựa chọn cây trồng dặm được chăm sóc ở kích thước bầu lớn, đủ 14-16 tháng tuổi, chiều cao 35- 40cm sau khi bấm ngọn.

Kích thước bầu lớn 25x12cm, bầu đất được đóng với tỷ lệ 3 phần đất + 1 phần phân hữu cơ hoai mục đã được ủ với phân lân.

Thời vụ giặm từ tháng 8-10 (phía Bắc), tháng 9-11 (phía Nam) vào cuối mùa mưa khi đất đủ ẩm.



4.2. Bón phân

** Bón lót trước khi trồng:*

Bón lót trước khi trồng 10-20 tấn phân hữu cơ và 800 kg supelân, trộn phân đều vào rãnh, khi cây chè vào tuổi 2 bón tiếp 10-20 tấn phân chuồng.

** Bón phân cho 1ha chè kiến thiết cơ bản (2-3 năm sau trồng)*

Chè tuổi 1: 30kg đạm ure + 30 kg P_2O_5 + 30 kg K_2O , chia làm 2 lần bón/năm, phân lân và kali bón một đợt vào đầu năm (tháng 2-3), bón lần 2 vào tháng 6-7. Bón 1 lần phân chuồng 10 - 20 tấn vào tháng 8-9.

Chè tuổi 2: 60kg đạm ure + 30 kg P_2O_5 + 40 kg K_2O , chia làm 2 lần bón/năm, phân lân và kali bón 1 đợt vào đầu năm (tháng 2-3), bón lần 2 vào tháng 6-7. Đối với chè đốn tạo hình bón bổ sung một lần phân chuồng 10- 20 tấn + 100 kg P_2O_5 vào tháng 10-11.

Chè tuổi 3: 80kg đạm ure + 40 kg P_2O_5 + 60 kg K_2O , chia làm 2 lần bón/năm, phân lân và kali bón một đợt vào đầu năm (tháng 2-3), bón lần 2 vào tháng 6-7.

** Bón phân cho chè kinh doanh*

Đối với chè bước vào kinh doanh và sản xuất kinh doanh khi định hướng sản xuất chè xanh chất lượng cao tiến hành bón tỷ lệ N:P:K theo công thức 3:1:2 lượng 25-30N/tấn sản phẩm chè búp tươi và bổ sung 50-70 $MgSO_4$.

Thời gian bón, số lần bón: 4 lần trong năm chia ra theo tỷ lệ. Lần 1: Bón 30% NPK + 60% $MgSO_4$ (tháng 2). Lần 2: Bón 30% NPK + 40% $MgSO_4$ (tháng 5). Lần 3: Bón 25% NPK (tháng 7). Lần 4: Bón 15% NPK (tháng 9).

Cách bón: Bón theo rạch hoặc theo hồ sau khi mưa.

* Bón phân cho mỗi 1 ha chè giống vườn cây lấy hom như sau:

Loại phân	Lượng phân (kg)	Số lần bón	Thời gian bón (vào tháng)	Phương pháp bón
Hữu cơ	25.000 – 30.000	1	12 – 1	Trộn đều với phân lân, bón rạch sâu 15-20cm, giữa hàng, lấp kín.
N	200	2	2; 6	Trộn đều, bón sâu 6-8cm, giữa hàng, lấp kín. Bón 60-40%N; 100% P ₂ O ₅ ; 60-40% K ₂ O
P ₂ O ₅	300	1	12 - 1	
K ₂ O	200	2	2; 6	

5. Phòng trừ cỏ dại

5.1. Đối với chè kiến thiết cơ bản

Xới cỏ, đảm bảo cỏ sạch quanh năm trên hàng chè. Vụ xuân (tháng 1 – 2) và vụ thu (tháng 8 – 9) xới sạch toàn bộ diện tích 1 lần/vụ. Trong năm xới gốc 2-3 lần, rộng 30 – 40 cm về hai bên hàng chè.

5.2. Đối với chè kinh doanh

- Vụ đông xuân: Xới sạch cỏ dại, cây giữa hàng hoặc phay sâu 10cm, lấp phân hữu cơ và cành lá già sau khi đốn, nếu hạn không cày được thì xới sạch toàn bộ.

- Vụ hè thu: Đào gốc cây dại, phát luống hoặc xới cỏ gốc giữa hàng, bừa 3-4 lần hoặc phay sâu 5cm.

5.3. Đối với vườn chè nuôi hom giống

- Vụ đông xuân: Xới sạch cỏ gốc, cày bừa giữa hàng để làm sạch cỏ.

- Vụ hè thu: Đánh gốc cây dại, phát cỏ ven đường, luống cỏ gốc.

6. Phòng trừ sâu bệnh

Phòng trừ sâu, bệnh hại chè bằng biện pháp quản lý sâu, bệnh hại tổng hợp IPM (Integrated Pest Management) trong đó phối hợp các biện pháp.

6.1 Phòng chống sâu bệnh hại chè bằng biện pháp canh tác

- Cày bừa đất diệt cỏ dại, diệt mầm sâu bệnh (nhộng, sâu non, các nguồn bệnh tồn tại trên tàn dư...).

- Bón phân cân đối hợp lý thúc đẩy cho cây chè sinh trưởng khỏe.

- Thực hiện kỹ thuật đốn hợp lý, tránh đốn vào thời điểm sương muối hay vào thời điểm thuận lợi cho phát sinh sâu, bệnh.

- Điều chỉnh biện pháp hái phù hợp, hái kỹ các búp chè trên tán chè.

- Biện pháp tưới: có thể tưới vào giai đoạn khô hạn hạn chế sự phát triển nhện đỏ và bọ trĩ.

6.2 Biện pháp sinh học, sinh thái

Trồng cây che bóng hợp lý tạo nơi cư trú cho các loại thiên địch sâu hại chè và cân bằng sinh thái nương chè.

6.3 Phòng trừ sâu, bệnh hại bằng biện pháp hóa học

- Không phun thuốc theo định kỳ.

- Phun thuốc khi khi mật độ sâu hại phát sinh vượt ngưỡng kinh tế: Mật độ Rầy xanh vượt 5

con/khay, trong đó tỷ lệ rầy non trên 20% số cá thể; Mật độ Nhện đỏ trên 5 con/lá; Mật độ Bọ trĩ trên 2 con/búp; Tỷ lệ búp bị Bọ xít muỗi hại trên 12% (triệu chứng mới bị hại).

- Đối với tuổi chè dưới 25 tuổi không cần phun Boocdo sau khi đốn.

- Lượng dung dịch thuốc bảo vệ thực vật cần phun 1 lần cho 1ha tùy thuộc vào diện tích tán chè và năng suất nương chè: Năng suất trên 15 tấn: cần phun trên 900 lít/ha; Năng suất trên 9 - 15 tấn: cần phun 600-900 lít/ha; Năng suất 5 - 9 tấn: cần phun 400- 600 lít/ha.

Có thể sử dụng hệ thống bơm áp suất cao, phun thuốc với dung lượng phun 15 - 25 lít/phút, 8-18Mpa, công suất 1.5-3Hp (như hệ thống máy bơm HP 403 và máy phun GX 168 F)

Lưu ý:

1. Đối với thuốc BVTV: Chỉ dùng thuốc thuộc danh mục thuốc được phép sử dụng trên chè của Bộ NN&PTNT, khuyến khích sử dụng thuốc thảo mộc và sinh học. Khi dùng thuốc thực hiện nguyên tắc 4 đúng

2. Quan tâm đặc biệt đến thời gian phát sinh gây hại của một số loại sâu hại chính:

- Đối với Rầy xanh (*Empoasca flavescens*) hại quang năm, rất cần chú ý phòng trừ trong giai đoạn đầu khi chè sinh trưởng trở lại sau khi đốn cao điểm vụ xuân tháng 3 - 5 và cao điểm vụ hè thu tháng 7-9.

- Đối với bọ trĩ (*Physothrips setiventris*) hại quanh năm là tác nhân gây hại nặng khi gặp điều kiện khô hạn đầu năm (đặc biệt chú ý khu vực Trung du Bắc bộ) giai đoạn tháng 4 - 5 bọ trĩ kết hợp rầy xanh có thể gây hại rất nặng.

- Đối với bọ xít muỗi (*Helopeltis theivora*) chú ý thời gian từ cuối tháng 6 trở đi đến cuối vụ.

- Đối với nhện đỏ (*Olygonychus coffeae*) vùng Trung du Bắc bộ cần quan tâm phòng chống trong giai đoạn tháng 4 - 5 và 7 - 8.

7. Đốn chè

7.1. Các loại hình đốn chè

- Đốn tạo hình: Lần 1: Đốn thân chính cách mặt đất 20- 25 cm, đốn cành bên cách mặt đất 35-40 cm. Lần 2: Đốn nâng độ cao so vết đốn cũ của thân chính lên 10-20 cm tùy theo giống có thân bụi hay thân gỗ, đốn mặt tán bằng.

- Đốn phớt: Hai năm đầu, mỗi năm đốn trên vết đốn cũ 5cm. Sau đó mỗi năm đốn cao thêm 3cm, khi vết đốn dưới cùng cao 70cm so với mặt đất thì hàng năm chỉ đốn cao thêm 1cm so vết đốn cũ.

Tuyệt đối không cắt tỉa cành lá, cần đảm bảo độ che phủ, khép tán trên nương.

Đối với nương chè sinh trưởng yếu, tán lá thưa mỏng, có thể áp dụng chu kỳ đốn cách năm: 1 năm đốn phớt như trên, 1 năm đốn sửa bằng tán chỉ cắt phần cành xanh.

- Đốn lừng: Những đồi chè đã được đốn phớt nhiều năm, vết đốn cao quá 90cm so với mặt đất, nhiều cành tăm hương, u bướu, búp nhỏ, năng suất giảm thì đốn lừng cách mặt đất 60 - 65cm; hoặc chè năng suất giảm rõ rệt thì đốn đầu cách mặt đất 70 - 75 cm.

- Đốn đau: Những đồi chè được đốn lừng nhiều năm, cành nhiều máu, cây sinh trưởng kém, năng suất giảm rõ rệt thì đốn đau cách mặt đất 40 - 45cm.

- Đốn trẻ lại: Những nương chè già, cần cỗi đã được đốn đau nhiều lần, năng suất giảm nghiêm trọng thì đốn trẻ lại cách mặt đất 10 - 25cm.

7.2. Thời vụ đốn

Đốn chè từ tháng 12 đến hết tháng 1. Nơi thường bị sương muối đốn muộn hơn, đốn sau đợt sương muối nặng.

Đốn đầu trước, đốn phớt sau. Đốn tạo hình, chè con trước, đốn chè trưởng thành sau.

Đối với vùng đảm bảo độ ẩm, hoặc có điều kiện chủ động tưới chè và thu hoạch chè vụ đông có thể đốn một phần diện tích vào tháng 4 - 5 sau đợt chè xuân góp phần rải vụ thu hoạch chè.

7.3. Cách đốn và dụng cụ đốn



Chè trồng xen với lạc



Chè trồng xen với sắn

- Đốn tạo tán có mặt nghiêng theo sườn dốc, không làm dập cành, sây sát vỏ.
- Đốn đầu, đốn lửng, đốn tạo hình lần đầu thì dùng dao. Đốn phớt, đốn tạo hình lần 2 thì dùng kéo hoặc dao. Đốn trẻ lại, sửa cành lớn chè giống thì dùng cưa.
- Đối với các giống chè có phân cành nhiều, mật độ cành lớn, sinh trưởng đỉnh đều thì dùng máy đốn chè Nhật Bản E7B-750 để đốn chè hay dùng dao đốn chè:

8. Tưới chè

Nơi có điều kiện về nguồn nước, khả năng đầu tư thì có thể tiến hành tưới cho chè khi độ ẩm đất dưới 60% sức chứa ẩm đồng ruộng (vào các tháng hạn, từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau và khi vào vụ chè chính 15 ngày không có mưa)

9. Thu hoạch và bảo quản

9.1. Thu hoạch

- Hái tạo hình chè kiến thiết cơ bản: Đối với chè 1 tuổi: Hái bấm ngọn những cây cao 60 cm trở lên. Đối với chè 2 tuổi: Hái đợt trên những cây to khoẻ và cách mặt đất 55 cm trở lên.

- Hái tạo hình sau khi đốn: Đối với chè đốn 1 lần: Đợt đầu hái cách mặt đất 40 – 45 cm, tạo thành mặt phẳng nghiêng theo sườn dốc. Đợt 2 hái búp chừa lại 2 lá thật và lá cá. Đối với đốn lần 2: Đợt đầu hái cao hơn chè đốn lần 1 từ 25 - 30 cm, các đợt sau hái sau để chừa như kỹ thuật để chừa theo thời vụ.

- Hái chè kinh doanh

Hái kỹ, tạo mặt tán phẳng: Hái 1 tôm 2, 3 lá non tùy theo mục đích chế biến là chè xanh chất lượng cao hay chè đen mà hái búp cho phù hợp. Phần chừa lại cách vết đốn 10 -15 cm tùy theo giống chè. Tạo mặt tán bằng, lần hái sau chừa theo quy trình hiện hành. Thời gian hái của một lứa phụ thuộc vào yêu cầu nguyên liệu và công nghệ chế biến mặt hàng chè.

Thời vụ hái và kỹ thuật để chừa: Vụ xuân (tháng 3-4) hái chừa 2 lá và lá cá, tạo tán bằng. Vụ hè thu (tháng 5-10): hái chừa 1 lá và lá cá, tạo tán bằng. Vụ thu đông (tháng 11-12): tháng 11 hái chừa lá cá, tháng 12 hái cả lá cá.

- Hái trên nương chè đốn trẻ lại, đốn đầu: Tiến hành hái như đối với chè kiến thiết cơ bản.

9.2. Bảo quản

Chè đợt tươi thu xong phải để nơi râm mát, bỏ trong sọt không nén chặt, không đựng trong bao kín, không để héo, lẫn bản với vật lạ, tạp chất, đưa đến nơi chế biến không quá 4 tiếng.

IV. ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ ÁP DỤNG

Phú Thọ, Thái Nguyên... tổng diện tích thực hiện hơn 40 ha.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiêu chuẩn ngành 10 TCN 446 - 2001: *Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch chè.*

13. QUY TRÌNH ĐÓN CHÈ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO CHU KỲ 3 NĂM KẾT HỢP VỚI KỸ THUẬT HÁI TRÊN GIỐNG LDP2

Đỗ Thị Trâm, Nguyễn Văn Toàn, Đặng Văn Thụ,
Nguyễn Thị Hồng Lam, Trần Đăng Việt*

I. NGUỒN GỐC XUẤT XỨ

Quy trình đón chè sản xuất kinh doanh theo chu kỳ 3 năm kết hợp với kỹ thuật hái trên giống LDP2 là kết quả nghiên cứu đề tài cấp cơ sở: “Nghiên cứu chu kỳ đón 3 năm nâng cao hiệu quả sản xuất chè” do KS. Đỗ Thị Trâm, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp miền núi phía Bắc chủ trì. Quy trình này dựa trên Tiêu chuẩn ngành 10 TCN 446 - 2001 về Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch chè, nội dung thay đổi bổ sung ở phần quy trình kỹ thuật đón chè sản xuất kinh doanh trên giống LDP2.

II. NỘI DUNG QUY TRÌNH KỸ THUẬT

1. Kỹ thuật đón chè

a) Kỹ thuật đón chè kiến thiết cơ bản (KTCB)

- Đón tạo hình:

Lần 1: Khi chè 2 tuổi, đón thân chính cách mặt đất 15 - 20 cm, cành bên đón cách mặt đất 30 - 35 cm. Thực hiện đón khi chè được 1 tuổi, trên nương chè có trên 85% số cây có chiều cao trên 70 cm, đường kính gốc trên 5 mm. Lần 2: Đón cách mặt đất 40 - 45 cm. Lần 3: Đón cách mặt đất 50 - 55 cm.

Thời điểm đón: Tháng 12 đến tháng 1 năm sau. Dụng cụ đón: Dao, kéo và máy (khi đón lần 3).

- Đón phớt: Hai năm đầu đón trên vết cũ 5 cm. Sau đó mỗi năm đón cao thêm 3 cm, khi vết đón dưới cùng cao 70 cm so với mặt đất thì hàng năm chỉ đón cao thêm 1 cm so với vết cũ. Tuyệt đối không sửa cành la, đảm bảo độ che phủ khép tán trên nương.

b) Đón chè sản xuất kinh doanh (SXKD)

- Đối với chè sản xuất kinh doanh: Giống chè LDP2 và các giống có kiểu hình tương tự (như giống chè Phúc Vân Tiên).